TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2017/DS-PT
Ngày 12-7-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Bà Lê Thị Thu Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Mỹ Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vương Thị Tố L (tên gọi khác A), sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn*:

2.1. Anh Nguyễn Vũ K, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

2.2. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1977; cùng địa chỉ cư trú với anh K.

Tất cả các đương sự có mặt tại tòa.

3. *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Vũ K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Vương Thị Tố L trình bày:

Do quen biết nên chị có tham gia góp hụi do chị Phạm Thị M làm chủ thảo và cho vợ chồng chị M, anh Nguyễn Vũ K vay tiền còn nợ chị các khoản tiền có viết giấy nợ, cụ thể:

Chị tham gia các dây hụi: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 01-3-2015 âm lịch (viết tắt Al), gồm 21 phần, tham gia 04 phần; hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 19-3-2015 Al, gồm 19 phần, tham gia 02 phần; hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 01-9-2015 Al, gồm 21 phần, tham gia 02 phần. Sau khi góp gần mãn hụi, thấy chị M không có khả năng trả nên chị yêu cầu chị M thanh toán lại tiền hụi đã góp. Chị và vợ chồng chị M, anh K tính toán tiền hụi, hai bên lập giấy nợ ngày 29-7-2016 Al, số tiền 70.690.000 đồng:

Hụi tuần 200.000 đồng/tuần: Mở ngày 17-02-2015, gồm 46 phần, chị tham gia 15 phần và dây hụi mở ngày 29-02-2015 Al, gồm 35 phần, chị tham gia 08 phần. Sau đó, chị hốt hụi được 194.000.000 đồng nhưng chị M không đăng hụi, sau đó chị M trả được một số tiền và còn nợ 178.800.000 đồng nên chị M viết cho chị giấy nợ ngày 25-8-2016 Al. Hiện các dây hụi đã mãn.

Vợ chồng chị M, anh K còn vay chị số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng, tiền hụi trước đây chị M còn nợ 42.000.000 đồng nên hai bên thống nhất ghi giấy nợ 72.000.000 đồng ngày 13-8-2016 Al. Chị M, anh K hẹn đến ngày 13-9-2016 Al sẽ trả hết nhưng đến nay vẫn chưa trả được số tiền gốc và tiền lãi nào. Chị M cho rằng trong tết năm 2017 có trả cho chị số tiền 20.000.000 đồng (trong đó trả tiền lãi 7.000.000 đồng và 13.000.000 đồng tiền gốc) chị xác định sự việc này không có.

Tổng cộng chị M và anh K còn nợ chị số tiền nợ vốn là 321.490.000 đồng. Chị yêu cầu anh K và chị M có nghĩa vụ trả cho chị số tiền trên và tiền lãi kể từ ngày 25-8-2016 Al (tương ứng ngày 25-9-2016 dương lịch) đến ngày 05-4-2017, theo mức lãi suất do nhà nước quy định.

Tại bản tự khai ngày 03-12-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Phạm Thị M trình bày:

Chị thừa nhận có nợ chị L số tiền 321.490.000 đồng là đúng nhưng nợ chung của vợ chồng chị đối với chị L là số tiền 70.690.000 đồng theo Giấy nợ ngày 29-7-2016 Al và 72.000.000 đồng theo Giấy nợ 13-8-2016 Al tổng cộng là 142.690.000 đồng. Còn lại 178.800.000 đồng là nợ riêng của chị nên không yêu cầu anh K cùng trả nợ. Đối với số tiền lãi đã trả 10%/tháng chị không yêu cầu khấu trừ và cũng không có giấy tờ chứng minh việc trả lãi.

Về nguồn gốc các khoản nợ chị L trình bày không đúng, cụ thể như sau:

Giấy nợ ngày 25-8-2016 Al số tiền 178.800.000 đồng: Cuối năm 2014, anh K có vay của chị L 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, sau khi vay chị trả lãi đầy đủ. Ngày 17-02-2015 thì chị mở dây hụi tuần 200.000 đồng/tuần, gồm 46 phần, chị L tham gia 09 phần. Chị L dùng tiền lãi mà vợ chồng chị phải trả cho chị L để đóng qua tiền hụi. Sau khi hụi mãn, chị L hốt được 81.000.000 đồng nhưng vì một

số hụi viên không góp hụi nên chị nợ chị L 81.000.000 đồng + 50.000.000 đồng tiền vay thành 131.000.000 đồng.

Khoảng tháng 06 năm 2014, chị L mở dây hụi 3.000.000 đồng/nửa tháng, chị tham gia 03 phần, chị hốt 03 phần đầu tiên được số tiền 138.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 4.500.000 đồng, còn lại 133.500.000 đồng, chị L trừ vào số tiền nợ 131.000.000 đồng nói trên, còn dư 2.500.000 đồng, chị L trừ vào số tiền lãi chị đóng thiếu. Sau khi hốt hụi, chị đóng lại được 03 kỳ thành tiền 54.000.000 đồng thì không có khảng đóng nữa. Khi mãn hụi, chị nợ chị L tiền hụi chết 07 kỳ x 03 phần hụi là 126.000.000 đồng, cộng với tiền lãi những tháng không đóng của số là 24.000.000 đồng thành 150.000.000 đồng. Sau đó, chị L bảo lãnh cho chị tham gia hụi của ông Bình nhà ở ấp Cao Su để hốt hụi lấy tiền trả cho chị L. Chị tham gia 02 phần/24 phần, hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 25-02-2016. Chị hốt đầu được số tiền 156.000.000 đồng, khấu trừ số tiền chị nợ 150.000.000 đồng, chị L giao lại cho chị 6.000.000 đồng. Chị đóng lại được 08 kỳ đến ngày 25-10-2016 Al, do chị đóng hụi trễ nên chị L yêu cầu chị làm giấy nợ chị L số tiền hụi chết còn lại 15 kỳ là 150.000.000 đồng, chị L sẽ đóng hụi chết cho ông B thay chị. Cộng với số tiền lãi chưa đóng là 28.800.000 đồng thành số tiền 178.800.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-01-2017, bị đơn - anh Nguyễn Vũ K trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị M, chỉ đồng ý cùng chị trả cho chị L 70.690.000 đồng theo Giấy nợ 29-7-2016 Al và 72.000.000 đồng theo Giấy nợ 13-8-2016 Al tổng cộng là 142.690.000 đồng. Còn khoản tiền nợ 178.800.000 đồng là nợ riêng của chị M đối với chị L, anh không đồng ý cùng chị M trả cho chị L.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Tố L đối với chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Vũ K. Buộc chị Phạm Thị M, anh Nguyễn Vũ K có nghĩa vụ trả cho chị Vương Thị Tố L số tiền 336.756.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 321.490.000 đồng và 15.266.000 đồng tiền lãi).

2. Về án phí: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Vũ K phải chịu 16.837.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị Vương Thị Tố L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.037.000 đồng theo Biên lai số 0020499 ngày 18-11-2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20-4-2017, bị đơn anh Nguyễn Vũ K kháng cáo với nội dung chỉ đồng ý trả cho chị L 142.690.000 đồng, không đồng ý trả 178.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - anh Nguyễn Vũ K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Nguồn gốc của khoản nợ 321.490.000 đồng chị L và chị M thống nhất gồm nợ hụi và nợ vay. Chị M, anh K cho rằng các khoản nợ vay năm 2014 là 50.000.000 đồng và năm 2016 là 30.000.000 đồng, cùng hai khoản nợ hụi 70.690.000 đồng và 42.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng, các khoản nợ hụi còn lại là nợ riêng của chị M. Xét thấy: Anh K, chị M đều thừa nhận việc anh K vay tiền, chị M tham gia góp hụi với chị L, vợ chồng đều biết; quá trình vay tiền, chị M, anh K thừa nhận chị M là người trực tiếp trả tiền vay và tiền lãi vay cho chị L, tuy nhiên, tiền lãi không trả tiền mặt mà chị L dùng tiền lãi đóng vào tiền hụi của các dây hụi chị L tham gia do chị M làm chủ hụi; còn chị M trả tiền vay cho chị L bằng số tiền hụi chị M hốt từ các dây hụi chị M tham gia do chị L làm chủ hụi và bảo lãnh cho chị M tham gia hụi với người khác. Có khoản nợ hụi anh K trực tiếp ký giấy nợ với chị L. Mặt khác, chị M và anh K đều xác nhận mục đích vay tiền, chơi hụi là để chi tiêu cho gia đình và làm vốn để anh K kinh doanh. Nay anh K cho rằng khoản nợ hụi 178.000.000 đồng là nợ riêng của chị M đối với với chị L là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm buộc anh K phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị M trả cho chị L số tiền này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Vũ K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của anh K không được chấp nhận nên anh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Vũ K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Tố L đối với chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Vũ K về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc chị M, anh K có nghĩa vụ trả cho chị Vương Thị Tố L số tiền 336.756.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng) (trong đó tiền nợ gốc 321.490.000 đồng và tiền lãi 15.266.000 đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Vũ K phải chịu 16.837.800 đồng (mười sáu triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng);

- Chị Vương Thị Tố L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.037.000 đồng (tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tại Biên lai số 0020499 ngày 18-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Vũ K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0020773 ngày 21-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Bến Cầu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai